

Số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2020.

V/v: Ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh
Phạm Trần Nhật T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hoàng Tập và ông Nguyễn Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị V**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Trần Nhật T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: đường Q, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trần Nhật T kết hôn với nhau vào ngày 23/9/2011, có đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu được 05 tháng. Quá trình sống chung với nhau từ năm 2011 đến năm 2012, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, không tôn trọng nhau, tình trạng này thường xuyên không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau. Chị thấy tình cảm đối

với anh T không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Bùi Quang N, sinh ngày 17/02/2012, hiện tại cháu đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, chị làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập bình quân một tháng là 10.000.000đ, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Tại văn bản lấy lời khai ngày 25/02/2020 anh Phạm Trần Nhật T trình bày:*

Anh và chị Bùi Thị V kết hôn với nhau vào ngày 23/9/2011, có đăng ký tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu được 05 tháng. Quá trình sống chung với nhau từ năm 2011 đến năm 2012, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khi kết hôn tuổi đời của vợ chồng còn nhỏ, chưa hiểu biết về cuộc sống nên hay tranh cãi với nhau, đến tháng 03/2012 vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau, tình cảm của anh đối với chị V không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, anh là người theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn. Chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Bùi Quang N, sinh ngày 17/02/2012, hiện tại cháu đang ở với chị V. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị V và anh Phạm Trần Nhật T ly hôn; giao con chung Phạm Bùi Quang N cho chị Bùi Thị V nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về án phí: chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị V và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/9/2011, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 02/2007,

chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

Bị đơn anh Phạm Trần Nhật T ở địa chỉ: đường Q, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Bùi Thị V và bị đơn anh Phạm Trần Nhật T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị V và anh Phạm Trần Nhật T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị V, anh T đều xác định: vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng, đến tháng 03/2012 vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo chị V xác định: do bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, không tôn trọng nhau. Theo anh T xác định: do tuổi đời của vợ chồng còn nhỏ, chưa hiểu biết về cuộc sống nên hay tranh cãi với nhau. Chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 11/3/2020 đối với ông Võ Tấn S là Trưởng thôn 1, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V, anh T cụ thể như thế nào thì ông không biết. Ông có biết vợ chồng chị V, anh T sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Xét hôn nhân giữa chị V và anh T lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do anh T theo đạo công giáo không đồng ý ly hôn, đây là vấn đề tín ngưỡng nên không chấp nhận yêu cầu của anh T. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Phạm Trần Nhật T.

+ Về con: Vợ chồng chị V và anh T có 01 con chung là Phạm Bùi Quang N, sinh ngày 17/02/2012. Tham khảo ý kiến của cháu N thì nguyện vọng của cháu xin được chung sống với chị V. Chị V làm nghề kinh doanh tự do có thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Vì vậy, giao con chung là Phạm Bùi Quang N cho chị V nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp. Chị V đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị V về: “Ly hôn” đối với bị đơn anh Phạm Trần Nhật T.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị V về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Phạm Trần Nhật T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Phạm Trần Nhật T.

3. Về con: Giao con chung có họ, tên là Phạm Bùi Quang N, sinh ngày 17/02/2002 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị V đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Phạm Trần Nhật T cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016624 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Bùi Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã Tân Lạc, huyện B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công